

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM TỈNH Q.N

ĐẾN

Số: 3321

Ngày: 26/8/2025

Chuyển:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/CTCPNSQN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh.

Địa chỉ: 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ sản xuất sản phẩm: Số 428 Trần Phú, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3835.733.

Fax: 0203.3835796.

E-mail: ctcnqn@gmail.com.

Mã số doanh nghiệp: 5700100104.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 123/2024/ATTP-CNĐK. Ngày Cấp/Nơi cấp: 10/07/2024. Được cấp bởi Sở Y tế Quảng Ninh - Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước tinh khiết Qaromi.

2. Thành phần: 100% nước.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Hạn sử dụng 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong chai nhựa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: Đóng bình với thể tích thực: 18,9 L

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

- Địa chỉ: 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Địa chỉ sản xuất sản phẩm: Số 428 Trần Phú, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có mẫu nhãn sản phẩm kèm theo.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: QCVN 6-1:2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Stibi	mg/l	0,02
2	Hàm lượng Arsen	mg/l	0,01
3	Hàm lượng Bari	mg/l	0,7
4	Hàm lượng Bor	mg/l	0,5
5	Hàm lượng Bromat	mg/l	0,01
6	Hàm lượng Cadmi	mg/l	0,003
7	Hàm lượng Clor	mg/l	5
8	Hàm lượng Clorat	mg/l	0,7
9	Hàm lượng Clorit	mg/l	0,7
10	Hàm lượng Crom	mg/l	0,05
11	Hàm lượng Đồng	mg/l	2
12	Hàm lượng Cyanid	mg/l	0,07
13	Hàm lượng Fluorid	mg/l	1,5
14	Hàm lượng Chì	mg/l	0,01
15	Hàm lượng Mangan	mg/l	0,4
16	Hàm lượng Thủy ngân	mg/l	0,006
17	Hàm lượng Molybden	mg/l	0,07
18	Hàm lượng Nickel	mg/l	0,07
19	Hàm lượng Nitrat, tính theo ion Nitrat	mg/l	50
20	Hàm lượng Nitrit, tính theo ion Nitrit	mg/l	3
21	Hàm lượng Selen	mg/l	0,01
22	E. coli	Cfu/250ml	0
23	Coliform tổng số	Cfu/250ml	0
24	Streptococci feacal	Cfu/250ml	0

25	Pseudomonas aeruginosa	Cfu/250ml	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit	Cfu/250ml	0
27	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,5
28	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. /.

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 08 năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH
QUẢNG NINH**



CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Văn Tuấn

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/QĐ-CCATVSTP

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 26/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Ninh; quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Chi cục;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh (Theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả mã số biên nhận 240708-0002 ngày 08/7/2024) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh;

Căn cứ kết quả thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm ngày 09/7/2024 của Đoàn thẩm định theo Quyết định số 160/QĐ-CCATVSTP ngày 08/7/2024 của Chi cục trưởng Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Ninh tại cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước uống ion kiềm của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước uống ion kiềm của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh, chủ cơ sở: Vũ Văn Tuấn, địa chỉ trụ sở: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ sản xuất kinh doanh: Số 428 Trần Phú, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 123/2024/ATTP-CNĐK ngày 10/7/2024).

Điều 2. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh có trách nhiệm chấp hành, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, nước uống ion kiềm và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm do Công ty sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày ký. Trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết hạn, Công ty phải nộp hồ sơ xin cấp lại Giấy chứng nhận trong trường hợp tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 4. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Lưu: TT PVHCC tỉnh, phòng HCTH CC.

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Phú Nhuận



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Thị Huệ

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
CHI CỤC AN TOÀN
VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2024/ATTP-CNĐK

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-CCVSATTP ngày 10/7/2024 của Chi cục ATVSTP)

Chủ cơ sở: VŨ VĂN TUẤN

Tên cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3855.733

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai, nước uống ion kiềm, Địa
chỉ: Số 428 Trần Phú, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng
Ninh.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Số chứng thực... 01... Quyển số... 551/85... Quảng Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Thị Huệ

Nguyễn Phú Nhuận



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 33371/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước tinh khiết Qaromi
2. Mã số mẫu: 06259363/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, thông tin mẫu dán trên chai, 500 mL/chai. Số lượng: 4.
NSX: 09/06/2025 - HSD: 02 năm.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 10/06/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 10/06/2025 - 26/06/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
9.1*	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	Vi khuẩn/50mL	TCVN 6191-2:1996	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.2*	Coliform tổng số	Vi khuẩn/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.3*	<i>Escherichia coli</i>	Vi khuẩn/250mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Vi khuẩn/250mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.5*	<i>Streptococci faecal</i>	Vi khuẩn/250mL	TCVN 6189-2:2009	KPH (LOD: 1)	Đạt
9.6*	Hàm lượng Cyanid	mg/L	NIFC.04.M.068 (HPLC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.7*	Hàm lượng Arsenic	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.8*	Hàm lượng Bari	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,008	Đạt
9.9*	Hàm lượng Bor	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.10*	Hàm lượng Bromat	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.11*	Hàm lượng Cadmi	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.12*	Hàm lượng Chì	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,001	Đạt
9.13*	Hàm lượng Chlor	mg/L	NIFC.03.M.33	KPH (LOD: 0,10)	Đạt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	So theo QCVN 6-1:2010/BYT
9.14*	Hàm lượng Chromi	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003)	Đạt
9.15*	Hàm lượng Clorat	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.16*	Hàm lượng Clorit	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.17*	Hàm lượng Đồng	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,015	Đạt
9.18*	Hàm lượng Fluoride	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	KPH (LOD: 0,08)	Đạt
9.19*	Hàm lượng Mangan	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	0,0074	Đạt
9.20*	Hàm lượng Molybden	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0003)	Đạt
9.21*	Hàm lượng Nickel	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0005)	Đạt
9.22*	Hàm lượng Nitrat	mg/L	NIFC.03.M.22 (IC)	1,99	Đạt
9.23*	Hàm lượng Nitrit	mg/L	NIFC.03.M.27 (IC)	KPH (LOD: 0,003)	Đạt
9.24*	Hàm lượng Seleni	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.25*	Hàm lượng Stibi	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,0005)	Đạt
9.26*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/L	NIFC.03.M.66 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,00015)	Đạt
9.27*	Hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	NIFC.03.M.93	KPH (LOD: 0,0046)	Đạt
9.28*	Hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	NIFC.03.M.93	KPH (LOD: 0,064)	Đạt

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Nỗ lực không ngừng

Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hạ Long,
Quảng Ninh

Hotline: 1900 545 520

Sản xuất tại: Việt Nam

HDSD: Uống trực tiếp; bảo
quản nơi thoáng mát, tránh
ánh nắng mặt trời

上質な毎日を、水から

Nước tinh khiết

Qaromi

A quality day begins with water

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

Mangan $\leq$ 0.4 mg/l

$\text{NO}_3^- \leq$ 50 mg/l

$\text{NO}_2^- \leq$ 3 mg/l

Sản phẩm đạt
QCVN 6-1:2010/BYT

NSX, HSD:

In trên tem

Thể tích thực

18,9 L

